TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 2-ĐỒNG NAI	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **79**/2025/HS-ST.
Ngày: 08 - 9 - 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyến

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên Tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2025 (NT) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HS ngày 21/01/2025; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2025/QĐST-HS ngày 18/02/2025; Quyết định phục hồi vụ án số 20/2025/QĐST-HS ngày 15/8/2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét sử số 82/2025/QĐXXST-HS ngày 18/8/2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987 tại tỉnh Đ. Căn cước công dân số 075087024372 cấp ngày 09/7/2022; Nơi thường trú: Ấp, xã A, huyện N, tỉnh Đ (nay là ấp B, xã A, tỉnh Đ); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Kim A; có vợ là Thị H; có 02 con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019).

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 02/12/2024 được hủy bỏ tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Trịnh Văn Chí L, sinh năm 1989 tại tỉnh G. Căn cước công dân số 082089021214 cấp ngày 01/9/2021; Nơi thường trú: Tổ 18, ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đ (nay là ấp K, xã P, tỉnh Đ); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông Trịnh Văn T (chết) và bà Trần Thị Th; có vợ là Hoàng Thị Thùy D; có 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015).

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 02/12/2024 được hủy bỏ tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Bạch Văn T, sinh năm 1988 tại thành phố H. Căn cước công dân số 079088036908 cấp ngày 28/6/2022; Nơi thường trú: số 147, ấp H, xã A, huyện C, thành phố H (nay là số 147, ấp H, xã A, thành phố H); Chỗ ở hiện nay: Ấp 5, xã T, huyện N, tỉnh Đ (nay là ấp 5, xã A, tỉnh Đ); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bạch Văn Th và bà Nguyễn Thị H (chết); bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 02/12/2024 được hủy bỏ tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Thạch Th, sinh năm 1998 tại tỉnh V. Căn cước công dân số 084098007177 cấp ngày 26/4/2022; Nơi thường trú: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh V (nay là ấp C, xã H, tỉnh V); Chỗ ở hiện nay: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ (nay là ấp P, xã N, tỉnh Đ); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thạch K và bà Thạch Thị Nh (chết); có vợ là Thạch Thị Ra Th; có 01 con sinh năm 2020.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 02/12/2024 được hủy bỏ tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5. Dương Văn Th, sinh năm 1990 tại tỉnh A. Căn cước công dân số 089090020960 cấp ngày 16/02/2022; Nơi thường trú: Ấp V2, xã P, thị xã C, tỉnh A (nay là ấp V2, xã C, tỉnh A); Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã P, huyện N, tỉnh Đ (nay là ấp M, xã N, tỉnh Đ); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn T và bà Hồ Thị Ánh L; có vợ Trần Thị Diễm Tr; có 02 con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019).

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 02/12/2024 được hủy bỏ tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6. Nguyễn Duy T1, sinh năm 1984 tại tỉnh Đ. Căn cước công dân số 075084006755 cấp ngày 20/11/2023; Nơi thường trú: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Đ (nay là ấp H, xã A, tỉnh Đ); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn):

12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Th (chết) và bà Nguyễn Thị Th; có vợ Hồ Ngọc A (đã ly hôn năm 2012); có 01 con sinh năm 2008.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 02/12/2024 được hủy bỏ tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

7. Nguyễn Minh L, sinh năm 1984 tại tỉnh L. Căn cước công dân số 086084000851 cấp ngày 16/10/2024; Nơi thường trú: Tổ 7, ấp 2, xã T, huyện N, tỉnh Đ (nay là tổ 7, ấp 2, xã A, tỉnh Đ); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Qu (chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị Cẩm Nh; có 01 con sinh năm 2016.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 02/12/2024 được hủy bỏ tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

8. Phạm Văn Ph, sinh năm 1978 tại tỉnh V. Căn cước công dân số 084078011654 cấp ngày 24/10/2022; Nơi thường trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh V (nay là ấp N, xã T, tỉnh L); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn A và bà Huỳnh Thị B (chết); có vợ Trần Thị Kiều L; có 02 con (lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2004).

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 02/12/2024 được hủy bỏ tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

9. Hồ Ngọc Th, sinh năm 1990 tại tỉnh Đ. Căn cước công dân số 075090017788 cấp ngày 12/8/2021; Nơi thường trú: Ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đ (nay là ấp 1, xã N, tỉnh Đ); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Ngọc H (chết) và bà Nguyễn Thị Thu H; có vợ Trần Thị C (đã ly hôn); có 02 con (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020).

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 02/12/2024 được hủy bỏ tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

10. Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1987 tại tỉnh B. Căn cước công dân số 083087005040 cấp ngày 29/6/2021; Nơi thường trú: Ấp P, xã L, huyện N, tỉnh Đ (nay là ấp B, xã N, tỉnh Đ); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn U (chết) và bà Nguyễn Thị Ch (chết); có vợ Đoàn Thị Tuyết Nh; có 01 con sinh năm 2014.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 02/12/2024 được hủy bỏ tạm giam. Hiện bị cáo đang bị truy nã theo Quyết định số D738/QĐTN-CSHS ngày 16/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ (vắng mặt).

11. Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1990 tại tỉnh Đ. Căn cước công dân số 075090009663 cấp ngày 20/10/2024; Nơi thường trú: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Đ (nay là ấp H, xã A, tỉnh Đ); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Mai Thị L; có vợ Nguyễn Thị Huyền Tr (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2012.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 02/12/2024 được hủy bỏ tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

12. Trần Tuấn A, sinh năm 1990 tại tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 096090009767 cấp ngày 17/8/2022; Nơi thường trú: Ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh M (nay là ấp A, xã T, tỉnh M); Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đ (nay là ấp T, xã N, tỉnh Đ); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hoàng A và bà Trương Kim H; có vợ Huỳnh Thị Th; có 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017).

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 02/12/2024 được hủy bỏ tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào lúc 12 giờ 10 phút ngày 30/10/2024, tại xưởng dán thuộc Công ty TNHH H, khu công nghiệp N2, huyện N, tỉnh Đ - Nguyễn Văn Đ mang theo 300.000 đồng và chuẩn bị sẵn dụng cụ xóc đĩa cùng với Trịnh Văn Chí L mang theo 400.000 đồng, Bạch Văn T mang theo 3.350.000 đồng, Thạch Th mang theo 140.000 đồng, Dương Văn Th mang theo 80.000 đồng, Nguyễn Duy T1 mang theo 1.000.000 đồng, Nguyễn Minh L mang theo 740.000 đồng, Phạm Văn Ph mang theo 2.780.000 đồng, Hồ Ngọc Th mang theo 450.000 đồng, Nguyễn Hoàng E mang theo 100.000 đồng, Nguyễn Đức Tr mang theo 20.000 đồng, Trần Tuấn A mang theo 130.000 đồng cùng một số người chưa rõ nhân thân lai lịch tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức "Xóc đĩa". Đạt là người xóc đĩa rồi bỏ 4 quân vị bằng lá bài bích tự chế mặt úp và ngửa lên

đĩa, nếu mở ra xác quân vị đều úp hoặc ngửa, hoặc 2 úp 2 ngửa là chẵn, dùng chén úp lại và xóc nhiều lần, các con bạc còn lại tham gia đặt cược từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng ở tụ chẵn hoặc tụ lẻ. Người tham gia đánh bạc muốn mua cái thì sẽ tiến hành mở (khui) ra để tính chẵn lẻ và thắng thua với những người tham gia đặt cược. Người tham gia đặt cược trùng với kết quả chẵn hoặc lẻ thì được người nhà cái chung tiền thắng thua tỷ lệ 1:1.

Khi Đ, L, T, Thạch Th, Th, T1, L, Ph, Ngọc Th, E, Tr, A tham gia chơi nhiều ván với nhau từ 12 giờ 10 phút đến 12 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Đội Cảnh sát hình sự Công an huyện N bắt quả tang cùng tang vật, thu giữ 9.390.000 đồng (trong đó thu giữ trên chiếu bạc 3.600.000 đồng, thu giữ trên người các con bạc 5.790.000 đồng) và 04 quân vị, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 chén sứ màu trắng.

* Vật chứng thu giữ: Số tiền 9.390.000 đồng và 04 quân vị, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 chén sứ màu trắng.

* Tại bản cáo trạng số 11/CT.VKS-NT ngày 25/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai) truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trịnh Văn Chí L, Bạch Văn T, Thạch Th, Dương Văn Th, Nguyễn Duy T1, Nguyễn Minh L, Phạm Văn Ph, Hồ Ngọc Th, Nguyễn Hoàng E, Nguyễn Đức Tr, Trần Tuấn A về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai) giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt Nguyễn Văn Đ số tiền 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt Trịnh Văn Chí L, Bạch Văn T, Thạch Th, Dương Văn Th, Nguyễn Duy T1, Nguyễn Minh L, Phạm Văn Ph, Hồ Ngọc Th, Nguyễn Đức Tr, Trần Tuấn A mỗi bị cáo từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000đồng.

Đối với Nguyễn Hoàng E hiện bỏ trốn, đang bị truy nã nên đề nghị xét xử vắng mặt bị cáo và áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe và phòng ngừa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 08 tháng tù.

Đề nghị áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 9.390.000 đồng dùng vào việc đánh bạc; Tịch thu tiêu hủy: 04 quân vị, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 chén sứ màu trắng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trịnh Văn Chí L, Bạch Văn T, Thạch Th, Dương Văn Th, Nguyễn Duy T1, Nguyễn Minh L, Phạm Văn Ph, Hồ Ngọc Th, Nguyễn Đức Tr, Trần Tuấn A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Vào lúc 12 giờ 50 phút ngày 30/10/2024, tại xưởng dán thuộc Công ty TNHH H, khu công nghiệp N2, huyện N, tỉnh Đ (nay thuộc xã N, tỉnh Đ), Nguyễn Văn Đ chuẩn bị sẵn dụng cụ xóc đĩa cùng với Trịnh Văn Chí L, Bạch Văn T, Thạch Th, Dương Văn Th, Nguyễn Duy T1, Nguyễn Minh L, Phạm Văn Ph, Hồ Ngọc Th, Nguyễn Hoàng E, Nguyễn Đức Tr, Trần Tuấn A đã thực hiện hành vi Đánh bạc thắng thua bằng tiền, dưới hình thức "Xóc đĩa" với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 9.390.000 đồng.

[3]. Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trịnh Văn Chí L, Bạch Văn T, Thạch Th, Dương Văn Th, Nguyễn Duy T1, Nguyễn Minh L, Phạm Văn Ph, Hồ Ngọc Th, Nguyễn Hoàng E, Nguyễn Đức Tr, Trần Tuấn A chưa có tiền án, tiền sự.

Tính chất, mức độ của hành vi: Xét tính chất tội đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an tại địa phương và là một trong những nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác.

Xét vai trò của từng bị cáo: vụ án này thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều tích cực tham gia nên cần căn cứ vào số tiền dùng vào việc đánh bạc và mức độ ăn thua của từng bị cáo để xem xét quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trịnh Văn Chí L, Bạch Văn T, Thạch Th, Dương Văn Th, Nguyễn Duy T1, Nguyễn Minh L, Phạm Văn Ph, Hồ Ngọc Th, Nguyễn Đức Tr, Trần Tuấn A phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo khi xem xét quyết định hình phạt nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật hình sự.

Xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trịnh Văn Chí L, Bạch Văn T, Thạch Th, Dương Văn Th, Nguyễn Duy T1, Nguyễn Minh L, Phạm Văn Ph, Hồ Ngọc

Th, Nguyễn Đức Tr, Trần Tuấn A có nơi cư trú rõ ràng, số tiền dùng đánh bạc không lớn, mục đích của các bị cáo là thắng thua bằng tiền, mặt khác các bị cáo đã có thời gian bị tạm giam nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng E, trong thời gian tại ngoại không chấp hành quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, bị cáo đã bỏ trốn, hiện đang bị truy nã theo quyết định số D738/QĐTN-CSHS ngày 16/6/2025của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Theo văn bản số 5037/CSHS-Đ5 ngày 14/8/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ thì đến nay Cơ quan cảnh sát điều tra vẫn chưa bắt được bị cáo Nguyễn Hoàng E. Do vậy cần căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt bị cáo.

Tuy nhiên cũng xét cho bị cáo Nguyễn Hoàng E phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được xem xét tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo không chấp hành quy định về cấm đi khỏi nơi cư trú, trong thời gian tại ngoại bỏ trốn thể hiện việc xem thường pháp luật của bị cáo, gây khó khăn cho quá trình xét xử nên cần xét xử nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Số tiền 9.390.000 đồng dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

- 04 quân vị, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 chén sứ màu trắng là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trịnh Văn Chí L, Bạch Văn T, Thạch Th, Dương Văn Th, Nguyễn Duy T1, Nguyễn Minh L, Phạm Văn Ph, Hồ Ngọc Th, Nguyễn Hoàng E, Nguyễn Đức Tr, Trần Tuấn A là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 326, 327 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trịnh Văn Chí L, Bạch Văn T, Thạch Th, Dương Văn Th, Nguyễn Duy T1, Nguyễn Minh L, Phạm Văn Ph, Hồ Ngọc Th, Nguyễn Hoàng E, Nguyễn Đức Tr, Trần Tuấn A phạm tội "Đánh bạc".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 30.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Bạch Văn T, Nguyễn Duy T1, Nguyễn Minh L, Phạm Văn Ph mỗi bị cáo 25.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn Chí L, Thạch Th, Dương Văn Th, Hồ Ngọc Th, Nguyễn Đức Tr, Trần Tuấn A mỗi bị cáo 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng E 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ 30/10/2024 đến ngày 02/12/2024.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 9.390.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 04 quân vị, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 chén sứ màu trắng.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng và biên lai thu tiền số 0007384 cùng ngày 06 /01/2025).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Nguyễn Văn Đ, Trịnh Văn Chí L, Bạch Văn T, Thạch Th, Dương Văn Th, Nguyễn Duy T1, Nguyễn Minh L, Phạm Văn Ph, Hồ Ngọc Th, Nguyễn Hoàng E, Nguyễn Đức Tr, Trần Tuấn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị cáo Nguyễn Hoàng E được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- TAND tỉnh Đ;
-VKSND tỉnh Đ;
- VKSND KV2-Đ;
- Công an tỉnh Đ;
- Thi hành án;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai